

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
TỈNH QUẢNG NGÃI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 11 /2017/HNGĐ-ST

Ngày 16/9/2017

*“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH QUẢNG NGÃI
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Lê Thị Điều**

Các Hội thẩm nhân dân: + Ông **Nguyễn Quốc Trị**

+ Ông **Nguyễn Trần Thương**

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Trần Tiến Dũng**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Quảng Ngãi

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:
Ông **Nguyễn Khánh Vương** - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 80/2017/TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2017, về *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08 /2017/QĐXX - HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Tà Thị N, sinh năm 1971

Địa chỉ: Thôn Q, xã E, huyện R, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Bị đơn:* Anh Phạm Trọng B, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Thôn T, xã Y, huyện P, tỉnh Quảng Ngãi.

Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, phiên hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn chị Tà Thị N, trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh B kết hôn vào tháng 6/2008, có đăng ký kết hôn tại UBND phường K. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2010 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh B ham chơi cờ bạc, rượu

chè. Chị đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh B không nghe. Năm 2013 chị đã nộp đơn đến Tòa án để xin ly hôn anh B. Anh B hứa thay đổi nên Chị đã rút đơn về để vợ chồng tiếp tục chung sống. Thế nhưng qua gần đây thời gian thì anh B vẫn không thay đổi, anh B vẫn ham chơi số đề, thường xuyên uống rượu rồi về nhà gây gỗ đánh đập vợ. Chị đã khuyên nhủ nhưng anh B vẫn vậy. Nên chị đã dẫn con về nhà mẹ đẻ ở. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3/2017. Nay chị N thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, không thể nào hàn gắn để chung sống với nhau được nữa. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho Chị được ly hôn với anh B.

Về con chung: Chị và anh B có 01 con chung tên Phạm Thị Quỳnh V, sinh ngày 15/9/2009. Hiện nay cháu V đang sống với chị N. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Và yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 10/2017. Nhưng nếu anh B có khó khăn thì có thể cấp dưỡng ít hơn nhưng theo mức quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai, phiên hòa giải và tại phiên tòa bị đơn anh Phạm Trọng B trình bày:*

Về hôn nhân: Anh thống nhất như lời trình bày của chị N.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: anh thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng xảy ra là do anh có ham chơi số đề nhưng lâu nay anh đã bỏ. Còn về lý do uống rượu là do thười gian gần đây chị N vợ anh hay lãnh cảm với anh, không có gần gũi vợ chồng nên anh buồn và có uống rượu từ đó vợ chồng có những bất hòa. Anh xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, mâu thuẫn chưa trầm trọng còn hàn gắn được. Anh mong muốn vợ chồng quay về chung sống với nhau. Anh không đồng ý ly hôn. Nhưng nếu vợ anh cương quyết không chịu về chung sống và một mực đòi ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Về con chung: Anh thống nhất vợ chồng có một con chung tên Phạm Thị Quỳnh V, sinh ngày 15/9/2009. Nếu ly hôn anh yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: anh B thống nhất như lời trình bày của chị N. Không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ xác minh tại Trường Tiểu học thị trấn S là nơi chị N công tác và anh B làm việc thêm ở đó. Cô Lê Thị M - Hiệu trưởng nhà trường cung cấp thông tin: Chị Tạ Thị N hiện nay đang là Kế toán của trường; anh B đang làm nhiệm vụ bảo vệ tại trường. Về mối quan hệ vợ chồng của chị N và anh B theo nhà trường được biết là lâu nay tình cảm giữa anh B, chị N đã xảy ra bất hòa nhiều lần, mâu thuẫn vợ chồng không hàn gắn được. Về phía*

nhà trường đã có lần khuyên giải để vợ chồng hàn gắn nhưng không được. Chị N là viên chức kế toán của trường nên có thu nhập ổn định, anh B thì đang làm hợp đồng bảo vệ tại trường. Công việc chính của anh B là công nhân của Công ty G nhưng hiện nay công ty không sản xuất nên thu nhập của anh B không ổn định. Về phía nhà trường cũng đề nghị Tòa án xem xét bảo vệ quyền lợi chính đáng của phụ nữ. Nếu Tòa xét thấy việc yêu cầu ly hôn của chị N là thỏa đáng thì đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản trình bày ý kiến ngày 3/8/2017. Cháu Phạm Thị Quỳnh V trình bày: Hiện nay cháu đang học lớp 2B tại trường Tiểu học E, R. Đang sống với mẹ N. Con thường thấy ba uống rượu rồi về nhà la mẹ. Nếu ba B và mẹ N không còn chung sống một nhà thì nguyện vọng của con là được sống cùng với mẹ N. Vì hằng ngày mẹ lo lắng chăm lo cho con. Mẹ chăm sóc và dạy dỗ con học tập. Còn Ba thì thường uống rượu không chăm lo cho con.

**Tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:* Về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, các đương sự: chấp hành và tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: công nhận thuận tình ly hôn, giao con cho chị N nuôi dưỡng. Buộc bị đơn phải cấp dưỡng nuôi con 700.000 đồng/ tháng để đảm bảo quyền lợi của phụ nữ và trẻ em.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1]. Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện P thụ lý, giải quyết yêu cầu Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm c Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh B tự N kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND phường K vào năm 2008. Do vậy hôn nhân giữa chị N và anh B là hợp pháp.

Về yêu cầu xin ly hôn của chị N thì thấy: chị N và anh B kết hôn năm 2008 vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2010 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh B ham chơi cờ bạc, rượu chè. Chị N đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh B không nghe. Năm 2013 chị N đã nộp đơn đến Tòa án để xin ly hôn anh B. Anh B hứa thay đổi nên Chị đã rút đơn về để vợ chồng tiếp tục chung sống. Thế nhưng qua thời gian thì anh B vẫn không thay đổi, anh B vẫn ham chơi số đề, thường xuyên uống rượu rồi về nhà gây gỗ đánh đập chị N dẫn đến việc chị N nộp đơn đến Tòa lần thứ hai để xin ly hôn anh B.

Anh B không đồng ý ly hôn vì cho rằng mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức phải ly hôn. Anh muốn vợ tha thứ để quay về chung sống, Nhưng nếu chị N cương quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn.

Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng quay về chung sống nhưng chị N không thể chịu đựng được cảnh uống rượu, cờ bạc, gây gổ với vợ của anh B, chị N cương quyết ly hôn, anh B cũng đồng ý. Xét mâu thuẫn giữa chị N và anh B đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa Chị N, anh B đồng ý thuận tình ly hôn, xét việc thuận tình ly hôn của chị N, anh B là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật nên HĐXX ghi nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị N và anh B.

[2] Về con chung: chị N và anh B đều thống nhất vợ chồng có một con chung tên Phạm Thị Quỳnh V, sinh ngày 15/9/2009. Hiện nay con đang sống cùng với chị N. Khi ly hôn chị N và anh B đều có yêu cầu được trực tiếp nuôi con.

Xét yêu cầu nuôi con của chị N: Hiện nay cháu V đang theo học tại Trường Tiểu học E, R và đang sống cùng với chị N. Chị N là phụ nữ, hiện là kế toán tại Trường Tiểu học thị trấn S nên có thời gian và bảo đảm hơn cho việc chăm sóc con cái. Hơn nữa cháu V sinh năm 2009 theo quy định của pháp luật thì phải hỏi ý kiến của con. Cháu V có văn bản trình bày nguyện vọng là được sống cùng với mẹ. Do đó để đảm bảo quyền lợi của con chưa thành niên và phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận yêu cầu được nuôi con của chị N.

Về yêu cầu nuôi con của anh B: anh B hiện đang là công nhân của Công ty G, tối về lại hợp đồng bảo vệ tại Trường. Do vậy về thời gian để chăm sóc cho con là chưa đảm bảo. Hơn nữa nguyện vọng của cháu V là được sống cùng với mẹ nên cần xem xét đến nguyện vọng của cháu. Thiết nghĩ giao con cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là hợp lý. Anh B có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về yêu cầu cấp dưỡng: Chị N yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng / tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 10 năm 2017. Nếu anh B có khó khăn thì có thể cấp dưỡng ít hơn nhưng theo mức quy định của pháp luật.

Xét chị N là người trực tiếp nuôi con mà nhu cầu hiện nay để đảm bảo cho việc học hành, sinh hoạt của con là rất cao và rất cần thiết. Do vậy yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là phù hợp theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên thu nhập của anh B hiện nay không ổn định, Công ty hóa chất hiện nay không sản xuất nên anh B không có việc làm chỉ làm hợp đồng bảo vệ tại Trường Tiểu học thị trấn S. Do đó HĐXX buộc anh B phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức là 700.000 đồng/1 tháng là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: chị N, anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4] Từ những phân tích và nhận định trên đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với tài liệu chứng cứ cũng như phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Nguyên đơn tự nguyện chịu án phí thuận tình ly hôn, bị đơn phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật

TTDS; khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm c Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Áp dụng: Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa Chị Tạ Thị N và anh Phạm Trọng B.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Thị Quỳnh V, sinh ngày 15/9/2009 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Phạm Trọng B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng là 700.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 10 năm 2017.

Anh B có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Tạ Thị N tự nguyện chịu 300.000 đồng án phí thuận tình ly hôn. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị N đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0000362 ngày 13 tháng 7 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P.

Anh Phạm Trọng B phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành chậm thực hiện số tiền có nghĩa vụ phải trả, thì bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 357 của Bộ luật TTDS năm 2015 tương ứng với khoản tiền và thời gian chậm thi hành cho đến khi thi hành xong quyết định.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND P. K;
- Các đương sự;
- Lưu: hs, vt.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Diệu